TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
V/v: "*Ly hôn, con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2023, về việc "*Ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Kiên Thị Sô P, sinh năm 1990; địa chỉ ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

*** Bị đơn:** Trần Hoàng T, sinh năm 1983; địa chỉ số D, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Kiên Thị Sô P trình bày:

Qua mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 01/07/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau; ông T có hành vi đập phá tài sản trong nhà, đàn áp khủng bố tinh thần bà và các con; vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoàng T. Về con chung, có 02 con chung tên Trần Hoàng P1, sinh ngày 11/11/2010 và

Trần Vĩnh N, sinh ngày 31/8/2012; hiện nay các con đang sống chung với ông T nên đồng ý giao các con cho ông T nuôi dưỡng; bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Hoàng T không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Kiên Thị Sô P và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Kiên Thị Sô P khởi kiện ông Trần Hoàng T có địa chỉ tại thành phố V để yêu cầu xin ly hôn và nuôi con; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình "Ly *hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Trần Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kiên Thị Sô P, Hội đồng xét xử thấy: Bà P và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 01/7/2010, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau; ông T phá hoại tài sản trong nhà, đàn áp khủng bố tinh thần bà và các con nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho ông T biết việc bà P xin ly hôn nhưng ông T không có ý kiến phản đối, bỏ mặt bà P đơn phương xin ly hôn. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, bà P yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Bà P, ông T có 02 con chung tên Trần Vĩnh N, sinh ngày 31/8/2012 và Trần Hoàng P1, sinh ngày 11/11/2010. Xét thấy, hiện nay hai con đang sống chung với ông T, được ông T cho ăn học đầy đủ, do đó, để đảm bảo cuộc sống các cháu không bị xáo trộn về chỗ ở và học hành nên giao các con cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí của bà P, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, không có ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiên Thị Sô P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Kiên Thị Sô P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Kiên Thị Sô P. Bà P được ly hôn với ông Trần Hoàng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Vĩnh N, sinh ngày 31/8/2012 và Trần Hoàng P1, sinh ngày 11/11/2010 cho ông Trần Hoàng T nuôi dưỡng, bà P không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiên Thị Sô P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Kiên Thị Sô P chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002451, ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên bà P không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Kiên Thị S Phi biết, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Hoàng T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; (số 46, ngày 01/7/2010)
- Lưu: Hồ sơ,…

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tấn Thành